

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2019/HS-ST
Ngày: 12-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Xuân Đính

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TRỊNH THỊ TH**, sinh năm 198x; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 1x, xã T, huyện Đ, thành phố H; Nơi ở: Thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố H; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Trịnh Văn C và bà Vũ Thị L; Có chồng là Lê Văn N; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **LÊ VĂN N**, sinh năm 198x; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 1x, xã T, huyện Đan P, thành phố H; Nơi ở: Thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố H; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Lê Minh C và bà Trần Thị N; Có vợ là Trịnh Thị Th; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 199x; Trú tại: Khối 1, thị trấn P, huyện S, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn D, sinh năm 198x; Trú tại: Đội 6, xã T, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/7/2019, chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1995, (Trú tại: Khối 1x, thị trấn P, huyện S, thành phố H) đưa con là cháu Ngô Thị Diệu A, sinh năm 201x đến Bệnh viện đa khoa Đông Anh khám và điều trị tại phòng 931, tầng 9, Khoa Nhi. Trong phòng có cháu Lê Như Q (là con của Trịnh Thị Th) đang điều trị nằm ở giường bên cạnh. Khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, chị Nh đưa cháu Diệu Anh xuống tầng 8 khám và để chiếc điện thoại Iphone 8 plus, màu trắng, dung lượng 64GB, ốp bằng nhựa silicon màu đỏ, lắp sim số 0377822339, ở trên giường bệnh của mình trong Phòng 931. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nh quay lại phòng 931 thì phát hiện chiếc điện thoại đã bị trộm cắp.

Đến ngày 30/7/2019, chị Nh sử dụng chiếc điện thoại khác đăng nhập mở tài khoản Icloud nguyenthinh555666@gmail.com của chị Nh thì thấy trong tài khoản Icloud báo hiện số sim 0975370506 của Lê Văn N (chồng Trịnh Thị Th) đã từng sử dụng điện thoại Iphone 8 plus của chị Nh bị mất trộm ngày 14/7/2019 tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh. Chị Nh tiếp tục kiểm tra số sim 0975370506 vào mạng Zalo thì phát hiện ảnh cháu Lê Như Q là con của Th. Chị Nh nghi ngờ Th trộm cắp điện thoại của mình nên đã đến Công an thị trấn Đông Anh, Công an huyện Đông Anh trình báo.

Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh đã triệu tập Trịnh Thị Th và Lê Văn N đến làm việc, kết quả điều tra Th và N khai nhận hành vi cụ thể như sau:

Trịnh Thị Th và Lê Văn N là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2018, có một con gái là cháu Lê Như Q, sinh năm 2018. Ngày 10/7/2019, Th đưa cháu Q đến khám, điều trị tại phòng 931 tầng 9 khoa Nhi Bệnh viện đa khoa Đông Anh. Cùng nằm phòng điều trị nội trú có hai trường hợp gồm cháu Ngô Thị Diệu A, sinh năm 2018 có mẹ là chị Nguyễn Thị Nh và cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2016 có mẹ là chị Dương Thị C, sinh năm 1976 (Trú tại: thôn L, xã Đ, huyện Đ, thành phố H cùng ở lại chăm sóc.

Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 14/7/2019, chị Nh đưa cháu D đi khám ở tầng 8, để chiếc điện thoại di động Iphone 8 plus, vỏ màu trắng, dung lượng 64GB, gắn thẻ sim số 0377822339, ốp bằng nhựa silicon màu đỏ tại vị trí cuối giường số 126 (giường nằm điều trị của cháu Diệu A). Lúc này, Th đang ở phòng 931, phát hiện chiếc điện thoại trên không có ai trông coi quản lý nên nảy sinh ý định trộm cắp. Th ôm cháu Q trước ngực bằng tay trái, dùng tay phải trộm cắp điện thoại của chị Nh cất giấu vào giữa người Th và cháu Q rồi đi ra khỏi phòng, rẽ trái đi về hướng cầu thang bộ ở cuối hàng lang (khu vực để rác tại tầng 9 khoa Nhi), tắt nguồn điện thoại cất giấu dưới gậm thùng rác màu xanh. Sau đó, Th bế cháu Q đi xuống tầng 8 để tiêm.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nh về phòng không thấy điện thoại đâu nên đi tìm. Gặp Th tại tầng 8, chị Nh hỏi “chị có cầm điện thoại của em không?”, Th nói “không”. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, Th quay lại vị trí cất giấu, lấy điện thoại Iphone 8 plus trộm cắp của chị Nh bật nguồn, nhập mật khẩu điện thoại do quá trình nằm điều trị cùng phòng Th đã để ý thấy mật khẩu

của chị Nh nhập là 222222. Sau đó Th tắt nguồn và cầm điện thoại đi về phòng 931 cất vào trong túi xách để trên đầu giường.

Ngày 16/7/2019, Th làm thủ tục xuất viện đưa cháu Q về nhà. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16/7/2019, N lái xe đến Bệnh viện đa khoa Đông Anh đón Th và cháu Q. Trên xe, Th đưa cho N chiếc điện thoại Iphone 8 plus và nói “em vừa trộm được của đưa cùng phòng, cho anh dùng ”, N đồng ý và cầm sử dụng. Ngày 23/7/2019, trên đường lái xe taxi, N tháo ốp điện thoại và thẻ sim 0377822339 của chị Nh vứt tại đoạn đường Doãn Kế Thiện, Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội rồi lắp thẻ sim số 0975370506 của N vào sử dụng. Ngày 26/7/2019, N gặp anh Trần Văn D, sinh năm 1987, (trú tại: Cụm 6, xã Thọ An, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội) nói chuyện có chiếc điện thoại di động của bà cô tặng sinh nhật không sử dụng muốn bán. N đưa cho anh Dũng xem chiếc điện thoại Iphone 8 Plus và thỏa thuận giá mua bán là 8.000.000 đồng. Do N đang nợ anh Dũng 4.000.000 đồng nên hai bên cùng thỏa thuận thống nhất anh Dũng đưa cho N chiếc điện thoại di động Oppo vỏ màu tím của anh Dũng (trị giá tương ứng khoảng 4.000.000 đồng) và trừ số tiền nợ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm việc với anh Trần Văn D và tạm giữ chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus của chị Nh bị trộm cắp là vật chứng của vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 376/HĐĐGTS ngày 31/7/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: chiếc điện thoại Iphone 8 plus vỏ màu trắng, dung lượng 64GB, gắn thẻ sim số 0377822339, ốp bằng nhựa silicon màu đỏ của chị Nh bị chiếm đoạt có tổng trị giá 11.800.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Trịnh Thị Th và Lê Văn N khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp tài liệu điều tra thu thập được.

Vật chứng tạm giữ gồm:

Của anh Trần Văn D: 01(một) chiếc điện thoại Iphone 8 plus, màu trắng, dung lượng 64GB; Của chị Nguyễn Thị Nh: 01 (một) thẻ bảo hành điện thoại Iphone 8 plus, màu trắng; Của bị cáo Lê Văn N: 01 (một) điện thoại oppo màu tím, gắn thẻ sim 1 số 0975370506, sim 2 số 0818142636.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại Iphone 8 plus là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Nh. Ngày 20/8/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Nh chiếc điện thoại trên. Sau khi nhận lại tài sản, chị Nh không đề nghị bồi thường dân sự, chị Nh đề nghị xin được giảm hình phạt đối với các bị cáo Th và N.

Đối với chiếc điện thoại di động Oppo màu tím, gắn thẻ sim 1 số 0975370506, sim 2 số 0818142636 là tài sản của Lê Văn N đã mua lại của anh Trần Văn D, không liên quan đến vụ án, không cần tiếp tục phải tạm giữ. Ngày 20/8/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho bị cáo N.

Đối với anh Trần Văn D, Cơ quan điều tra nhiều lần gửi giấy triệu tập nhưng anh Dũng không có mặt theo yêu cầu vì vậy không làm rõ được quan điểm đề nghị bồi thường dân sự của anh Dũng. Khi mua điện thoại di động Iphone 8 Plus,

vỏ màu trắng của N, anh Dũng không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 164/CT-VKSĐA ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trịnh Thị Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Thị Th và Lê Văn N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, các bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ nhất của pháp luật. Bị hại là chị Nguyễn Thị Nh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Thị Th mức án từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án từ 06 đến 08 tháng tù. Hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo. Về dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không giải quyết; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đề nghị giải quyết về quyền lợi liên quan nên tách phần quyền và nghĩa vụ dân sự của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bằng một vụ án dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Lời nói sau cùng các bị cáo trình bày: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Thị Th và Lê Văn N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở

kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 14/7/2019 tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh thuộc tổ 1 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội bị cáo Trịnh Thị Th đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 8 plus, màu trắng, dung lượng 64GB kèm sim số 0377822339 và ốp nhựa silicon màu đỏ của chị Nguyễn Thị Nh có tổng trị giá là 11.800.000 đồng. Bị cáo Lê Văn N được Trịnh Thị Th đưa cho chiếc điện thoại trên cho sử dụng và biết rõ chiếc điện thoại Iphone 8 plus trên là tài sản do Th trộm cắp được mà có nhưng vẫn sử dụng và đem bán cho anh Trần Văn D.

Hành vi của bị cáo Trịnh Thị Th đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Lê Văn N đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh truy tố các bị cáo Trịnh Thị Th và Lê Văn N theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ pháp luật, đúng người và đúng tội.

Nội dung khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Nội dung khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo Trịnh Thị Th và Lê Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Th hiện đang nuôi con nhỏ nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Các bị cáo không có tiền án tiền sự nên được xác định là có nhân thân tốt.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng do tham lam tư lợi, các bị cáo vẫn cố ý phạm tội, do vậy, cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe đối với các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đến tính chất, mức độ, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xét thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo nhất thời phạm tội; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên

cần xét xử các bị cáo hình phạt tù trong khung hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giúp đỡ, giám sát của chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động phổ thông, thu nhập thấp, phải thuê nhà trọ và đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Nh đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Đối với anh Trần Văn D, khi mua điện thoại di động Iphone 8 Plus, vỏ màu trắng của N, anh Dũng không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Cơ quan điều tra nhiều lần gửi giấy triệu tập nhưng anh Dũng không có mặt theo yêu cầu nên không làm rõ được quan điểm đề nghị giải quyết bồi thường dân sự của anh Dũng, anh Dũng có quyền yêu cầu giải quyết phần dân sự đối với bị cáo N trong một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[8] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại Iphone 8 plus là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Nh, ngày 20/8/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Nh chiếc điện thoại trên là có căn cứ. Chiếc điện thoại di động Oppo màu tím, gắn thẻ sim 1 số 0975370506, sim 2 số 0818142636 là tài sản của Lê Văn N đã mua lại của anh Trần Văn D, không liên quan đến vụ án, ngày 20/8/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho bị cáo N là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, về áp dụng hình phạt tù và không cho hưởng án treo đối với bị cáo N là có phần nghiêm khắc.

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị Th 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội (nơi bị cáo cư trú) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội (nơi bị cáo cư trú) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ vào: Điều 30; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về dân sự: Anh Trần Văn D có quyền yêu cầu giải quyết phần dân sự đối với bị cáo N trong một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Về án phí: Các bị cáo Trịnh Thị Th và Lê Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- UBND xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, T.p Hà Nội
- Thi hành án hình sự;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)**